



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kỹ năng tìm việc làm

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000616	1101020179	Bùi Ngọc	Mai	18/02/2005	KD11G	11					HP
2	000617	1101020197	Phạm Thị	Nga	01/02/2003	KD11G	11					
3	000618	1101021333	Nguyễn Hoàn	Ngọc	07/08/2005	KD11G	11					
4	000619	1101020207	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	08/11/2005	KD11G	11					
5	000620	1101020212	Bùi Thị	Nguyệt	06/07/2005	KD11G	11					
6	000621	1101020221	Phạm Yến	Nhi	09/08/2005	KD11G	11					
7	000622	1101020658	Lương Tâm	Như	12/09/2004	KD11G	11					
8	000623	1101021019	Trần Hồng	Nhung	30/11/2005	KD11G	11					
9	000624	1101020229	Nguyễn Thị	Oanh	16/10/2005	KD11G	11					
10	000625	1101020236	Lý Thu	Phương	28/07/2005	KD11G	11					HP
11	000626	1101021025	Vương Thị	Phương	30/06/2005	KD11G	11					
12	000627	1101021029	Vũ Thị Như	Quỳnh	18/08/2005	KD11G	11					HP
13	000628	1101020258	Bùi Phương	Thanh	26/06/2005	KD11G	11					
14	000629	1101020894	Nguyễn Minh	Thành	14/02/2005	KD11G	11					
15	000630	1101020265	Nguyễn Phương	Thảo	27/07/2005	KD11G	11					HP
16	000631	1101020276	Nguyễn Thị Anh	Thư	25/11/2005	KD11G	11					
17	000632	1101020364	Lê Tô	Trang	12/09/2005	KD11G	11					
18	000633	1101020297	Lục Hà	Trang	11/03/2005	KD11G	11					
19	000634	1101020304	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/02/2005	KD11G	11					
20	000635	1101021057	Nguyễn Thùy	Trang	28/10/2005	KD11G	11					
21	000636	1101021062	Lê Minh	Tuân	09/04/2005	KD11G	11					
22	000637	1101020313	Đinh Lê Anh	Tuấn	17/09/2005	KD11G	11					
23	000638	1101020321	Hoàng Thị Thanh	Vân	15/10/2005	KD11G	11					
24	000639	1101020328	Phạm Thanh	Xuân	22/09/2005	KD11G	11					
25	000640	1101020330	Đỗ Ngọc	Yên	01/10/2005	KD11G	11					
26	000641	1101020332	Đỗ Hải	Yến	23/08/2005	KD11G	11					
27	000642	1101041424	Nguyễn Xuân	Bình	19/03/2005	CT11A	12					
28	000643	1101040373	Dương Đức	Hiếu	16/02/2005	CT11A	12					

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000644	1101041088	Vũ Văn	Hùng	23/08/2004	CT11A	12					
30	000645	1101040374	Bùi Thị Lan	Hương	19/10/2005	CT11A	12					
31	000646	1101041090	Đào Chí	Kiên	22/10/2004	CT11A	12					
32	000647	1101040376	Vũ Thị Trà	My	21/10/2005	CT11A	12					
33	000648	1101040377	Hoàng Văn	Tài	22/09/2005	CT11A	12					HP
34	000649	1101040378	Ngô Mai	Thi	07/07/2005	CT11A	12					
35	000650	1101040380	Phạm Thị Đoan	Trang	03/02/2005	CT11A	12					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2